

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thấu và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* Ông Phạm Xuân Đ1, sinh năm: 1936; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã vào ngày 25/3/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Đ ở thôn K, xã T, huyện Gia Lộc; vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau. Đến tháng 3 năm 2019, chị đã đưa các con dọn ra ngoài ở. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con là Phạm Xuân N, sinh ngày 17/02/1994 và Phạm Xuân V, sinh ngày 02/02/2003. Hiện cả hai cháu đều đang sống cùng với chị. Cháu N đã trưởng thành còn cháu V có nguyện vọng được ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu V theo nguyện vọng của cháu và chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Phạm Xuân Đ trình bày: Anh và chị L kết hôn với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến mấy năm gần đây mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mấy năm trước anh bị tai nạn, sức khỏe giảm sút, không làm ra tiền nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị L nhiều lần đánh đập, xúc phạm anh. Đến tháng 3 năm 2019, chị L đã cùng các con của anh dọn đi nơi khác ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm của anh với chị vẫn còn nên mong vợ chồng đoàn tụ và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con như chị L trình bày. Anh không nhất trí ly hôn nên không có quan điểm về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã T, huyện Gia Lộc cung cấp: Anh Đ và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 25/3/1993. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn K, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Vài năm trước vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cách sống và trong sinh hoạt hàng ngày, địa phương đã nhiều lần tổ chức hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Hiện anh chị đã ăn riêng ở riêng từ lâu. Về con chung: Anh chị có hai con như đã nêu trên, hiện các cháu phát triển bình thường, cháu Phạm Xuân V đã nghỉ học và đi làm. Hiện chị L và anh Đ đều làm nông nghiệp là chủ yếu, ngoài ra anh Đ còn làm nghề phụ xây, cụ thể về thu nhập của anh chị địa phương không nắm được.

Tại lời khai của ông Phạm Xuân Đ1 là bố đẻ của anh Đ trình bày: Anh Đ và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1993. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại thôn K, xã T, huyện Gia Lộc cho đến nay. Anh chị sống hạnh phúc đến vài năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn; đỉnh điểm là khoảng một năm trở lại đây anh chị nhiều lần xảy ra cãi cọ xô sát nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình cách sống không hợp nhau. Anh chị tuy sống chung một nhà nhưng đã ăn riêng, ngủ riêng, ly thân nhau từ lâu. Anh chị có hai con như trên, hiện cháu N đã trưởng thành và đi làm, còn cháu V chỉ học hết lớp 2 rồi bỏ học, hiện đang ở nhà sống với chị L. Ông đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, nếu phải ly hôn thì ông đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của cháu để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, cho chị L được ly hôn anh Phạm Xuân Đ. Về con chung: Giao cháu Phạm Xuân V, sinh ngày 02/02/2003 cho chị L nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Phạm Xuân Đ, trú tại thôn K, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho bị đơn là anh Phạm Xuân Đ. Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Xuân Đ vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết anh đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người làm chứng là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 25/3/1993 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến từ tháng 02 năm 2018 vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, hiện vợ chồng đã ăn riêng ở riêng từ lâu, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh Đ. Anh Đ xác định vẫn còn tình cảm với chị nên không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng không có giải pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình, từ tháng 3 năm 2019 đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Điều đó chính tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh Đ có hai con là Phạm Xuân N, sinh ngày 17/02/1994 và Phạm Xuân V, sinh ngày 02/02/2003. Hiện cháu N đã đủ 18 tuổi trưởng thành, còn cháu V đang sống cùng với chị L. Từ tháng 3 năm 2019 khi chị L và anh Đ sống ly thân, ăn ở riêng thì cháu V vẫn sống cùng chị L. Hiện cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị L. Chị L đề nghị được tiếp tục nuôi cháu V và không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con; còn anh Đ không có quan điểm gì về việc nuôi con. Do vậy cần giao cháu V cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng để cháu được ổn định cuộc sống và chấp nhận sự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị L ly hôn anh Phạm Xuân Đ.

2. Về nuôi con: Giao con là Phạm Xuân V, sinh ngày 02/02/2003 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0008748 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã T, huyện Gia Lộc để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi